



QUY ĐỊNH THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ CẤP 1

Km áp dụng: 10.000, 30.000, 50.000, 70.000, 90.000, 110.000, 130.000, 150.000

TT	Hệ thống	Công việc thực hiện	Phụ tùng	Mã phụ tùng	Số lượng	Vật tư	Thông số	Số lượng
1	Động cơ	Thay nhớt động cơ				Nhớt động cơ	Động cơ Cummins: SAE 15W-40, API: CI-4 Động cơ G51: SAE 10W-40, API: CK-4	Động cơ Cummins: 6.5 lít Động cơ G51: 5.5 lít
2	Động cơ	Thay lọc nhớt động cơ	Lọc nhớt động cơ	Động cơ Cummins: .GP01.13.0154 Động cơ G51: .PSH0008997	1 cái			
3	Động cơ	Vệ sinh lõi lọc gió						
4	Động cơ	Kiểm tra mức nước làm mát						
5	Động cơ	Kiểm tra rò rỉ trong hệ thống làm mát, bôi trơn, khí thải, nhiên liệu						
6	Động cơ	Kiểm tra ống thông hơi các te (ống không bị tắc)						
7	Động cơ	Kiểm tra cụm dây đai và bộ tăng đai tự động						
8	Động cơ	Chẩn đoán hệ thống điều khiển động cơ điện tử						
9	Động cơ	Siết chặt liên kết giữa bộ lọc muội than với ống dẫn turbo						
10	Động cơ	Siết chặt pát bắt bộ lọc muội than với vỏ ly hợp						
11	Động cơ	Siết chặt liên kết giữa lọc gió và đường khí nạp						
12	Động cơ	Siết chặt liên kết giữa bộ đo dòng khí nạp vào vỏ lọc gió						
13	Truyền động	Kiểm tra bộ trợ lực ly hợp, hộp số, cầu sau						
14	Gầm xe	Kiểm tra khớp cầu						
15	Gầm xe	Kiểm tra khớp rô tuyen						
16	Gầm xe	Siết chặt bu lông cao su và khớp kim loại của nhíp						
17	Gầm xe	Kiểm tra siết chặt phuộc nhún, bu lông chữ U						
18	Gầm xe	Kiểm tra bạc đạn bánh sau, moay ơ, hiệu chỉnh nếu cần thiết						
19	Hệ thống lái	Kiểm tra vỏ bảo vệ khớp nối tay lái						
20	Hệ thống lái	Siết chặt khớp nối cầu của trục lái						



QUY ĐỊNH THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ CẤP 1

Km áp dụng: 10.000, 30.000, 50.000, 70.000, 90.000, 110.000, 130.000, 150.000

TT	Hệ thống	Công việc thực hiện	Phụ tùng	Mã phụ tùng	Số lượng	Vật tư	Thông số	Số lượng
21	Hệ thống lái	Kiểm tra độ rơ các khớp trục lái						
22	Hệ thống lái	Siết bu long giữ phía trên bót tay lái với khung chasiss						
23	Hệ thống phanh	Kiểm tra trạng thái và độ kín của dẫn động thủy lực phanh						
24	Hệ thống phanh	Kiểm tra tình trạng má phanh và đĩa thắng của cơ cấu phanh trước						
25	Hệ thống phanh	Kiểm tra tình trạng má phanh và đĩa phanh sau (đối với xe có phanh đĩa)						
26	Hệ thống phanh	Kiểm tra tình trạng của má phanh cơ cấu phanh đỗ (đối với xe có phanh đĩa)						
27	Hệ thống phanh	Kiểm tra tình trạng của vỏ bảo vệ xi lanh và giá đỡ bánh xe						
28	Hệ thống phanh	Kiểm tra tình trạng dây thắng phanh đỗ và vỏ bọc						
29	Hệ thống phanh	Kiểm tra hành trình đòn bẩy đỗ xe						
30	Hệ thống phanh	Điều chỉnh liên kết phanh đỗ						
31	Thiết bị điện	Kiểm tra điện áp, dung dịch mức bình điện (Làm sạch và bôi trơn các cực của pin và dây, kiểm tra độ bền của pin, độ tin cậy của kết nối giữa các dây với các cực của pin, kiểm tra mức độ điện phân)						
32	Cabin – Thùng – Thân xe	Kiểm tra độ siết chặt thùng xe với khung xe						
33	Cabin – Thùng – Thân xe	Kiểm tra điều kiện và kết nối của các thiết bị giữ cửa của cửa giữa (trượt), điều chỉnh hoặc, nếu cần, thay thế các bộ phận (chốt dẫn hướng hoặc vỏ), ở trạng thái giới hạn						
34	Cabin – Thùng – Thân xe	Thay lọc gió cabin	Lọc gió cabin	A21R23.8119200	1 cái			
35	Body - box	Siết chặt đai ốc bắt thân xe						
36	Body - box	Kiểm tra các đai ốc bị thiếu giữ chặt mặt bên và mặt trước vào khung xe						
37	Hệ thống điều hòa	Kiểm tra tình trạng ống ga						
38	Hệ thống điều hòa	Kiểm tra tình trạng ga						



QUY ĐỊNH THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ CẤP 1

Km áp dụng: 10.000, 30.000, 50.000, 70.000, 90.000, 110.000, 130.000, 150.000

TT	Hệ thống	Công việc thực hiện	Phụ tùng	Mã phụ tùng	Số lượng	Vật tư	Thông số	Số lượng
39	Hệ thống điều hòa	Kiểm tra mức độ hoạt động của hệ thống điều hòa						